

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2020/DS-ST**
Ngày 22-01-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Hữu Tấn;

- Ông Lê Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 101/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 345/20219/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Ông Phạm Lục H, sinh năm 1958

Địa chỉ: phường MX, thành phố LX, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Lục H: bà Nguyễn Minh L, sinh năm 1964; địa chỉ: phường MT, thành phố LX, tỉnh AG; là người đại diện theo ủy quyền, theo giấy ủy quyền được Văn phòng Công chứng Cao Thị Hồng Cúc chứng nhận, có số công chứng 02.TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 13/06/2016.

2/ Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1957

Địa chỉ: phường MX, thành phố LX, tỉnh AG.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1984

Địa chỉ: khóm 3, phường ML, thành phố LX, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Hòa N, sinh năm 1987; địa chỉ: phường MT, thành phố LX, tỉnh AG; là người đại diện theo ủy quyền, theo giấy ủy quyền được Văn phòng Công chứng Nhứt Quang chứng nhận, có số công chứng 499, quyền số TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 31/08/2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2016 và đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn ông Phạm Lục H và bà Nguyễn Thị Bé H cùng trình bày:

Ông Phạm Lục H và bà Nguyễn Thị Bé H khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ L trả số tiền 4.600.000.000đồng, trong đó:

- 3.000.000.000đồng mà bà L mượn lại từ tiền chuyển nhượng đất 05/8/2014 cụ thể: ông H và bà H có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L với số tiền là 5.000.000.000đồng; đối với quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05145, ngày 11/7/2014 cho ông H và bà H, với tổng diện tích sử dụng là 1.149,2m²; hợp đồng chuyển nhượng được Văn phòng Công chứng Long Xuyên, chứng nhận có số công chứng 936, vào ngày 05/8/2014; sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng thì bà L làm thủ tục thế chấp phần diện tích nhận chuyển nhượng để vay tiền của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh An Giang, nhưng khi bà L vay tiền xong thì Ngân hàng không cho bà L nhận tiền vay mà phải chuyển khoản hết cho người chuyển nhượng để đảm bảo người vay không sử dụng vốn vay sai mục đích. Khi Ngân hàng chuyển tiền vay của bà L theo ủy nhiệm chi, ngày 18/8/2014 để chuyển trả tiền chuyển nhượng đất cho ông H và bà H thì bà L có mượn lại 3.000.000.000đồng. Vì vậy khi ông H rút tiền thì ông H và bà H đã cho bà L mượn lại số tiền 3.000.000.000đồng. Khi bà L nhận tiền thì không có viết biên nhận. Sau đó, thì bà L viết biên nhận nợ 3.000.000.000đồng thì ông H chỉ xem nội dung thấy đúng số tiền thì cất mà không để ý ngày tháng trong biên nhận. Tới hạn trả tiền, bà L không chịu trả nên ông H coi lại mới biết bà L ghi ngày của biên nhận là 07/6/2016. Còn tên “Huy Nhung” mà bà L ghi trong biên nhận là tên thường gọi của ông H (do ông H là chủ tiệm phụ tùng xe Huy Nhung). Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/8/2014 ông H và bà H không tranh chấp. Ông H và bà H chỉ yêu cầu bà L trả số tiền 3.000.000.000đồng mà bà L đã ký nhận theo biên nhận ngày 07/6/2016.

- Số tiền 1.600.000.000đồng theo biên nhận ngày 21/8/2014. Đồng thời, ông H và bà H yêu cầu tính lãi bằng với mức lãi suất theo Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD00000696818, ngày 25/7/2016, mã khách hàng là 6700-170205069, số tài khoản là 6700601551967, do bà L đứng tên tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh An Giang theo Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2016/QĐ-BPKCTT, ngày 26/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, từ ngày 26/7/2016 đến ngày Tòa án xét xử.

Đối với số tiền 1.600.000.000đồng còn lại theo Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số

AD00000696818, ngày 25/7/2016, mã khách hàng là 6700-170205069, số tài khoản là 6700601551967, do bà L đứng tên tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh An Giang theo Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2016/QĐ-BPKCTT, ngày 26/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên ông H, bà H yêu cầu tiếp tục duy trì đối với số tiền này để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án.

Đối với số tiền 400.000.000đồng trong tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố Long Xuyên theo chứng thư giao dịch lập ngày 20/6/2016, số tài khoản là 6701601219460, theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2016/QĐ-BPBD, ngày 20/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên ông H đã được nhận lại.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Mỹ L yêu cầu ông bà có nghĩa vụ trả số tiền 350.000.000đồng, ông bà không đồng ý.

Theo đơn phản tố và bản tự khai ngày 27 tháng 6 năm 2016, bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ L trình bày:

Ngày 05/8/2014 bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích là 1.149,2m² của ông H và bà H. Tổng số tiền là 5.000.000.000đồng. Hai bên thỏa thuận trả tiền 02 đợt: đợt 01 trả 1.000.000.000đồng ngay ngày ký hợp đồng và đợt 02 số tiền còn lại 4.000.000.000đồng trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Bà đã giao cho ông H và bà H nhận 2.000.000.000đồng ngay ngày ký hợp đồng tại Văn phòng Công chứng Long Xuyên. Việc giao nhận tiền không lập thành văn bản. Việc nhận 2.000.000.000đồng đã được ông H thừa nhận tại đơn khởi kiện. Ngày 18/8/2014 bà ký ủy nhiệm chi trả cho ông H số tiền 4.950.000.000đồng từ tài khoản của bà vào tài khoản của ông H. Trong số tiền 4.950.000.000đồng, bà trả cho ông H 3.000.000.000đồng là tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, còn lại 1.950.000.000đồng là cho ông H mượn.

Ngày 21/8/2014, bà có mượn lại của ông H số tiền 1.600.000.000đồng có làm biên nhận. Trừ số tiền ông H mượn bà 1.950.000.000đồng thì ông H còn nợ lại bà 350.000.000đồng. Bà phản tố yêu cầu ông H và bà H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 350.000.000đồng. Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H và bà H.

Tại phiên tòa: người đại diện theo ủy quyền của ông H xác định ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và bà H đối với bà L: buộc bà L có nghĩa vụ trả cho ông H và bà H số tiền 3.000.000.000đồng theo biên nhận ngày 07/6/2016 và 1.600.000.000đồng, cộng lãi suất từ ngày 26/7/2016 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 4,5%/năm; tiếp tục duy trì số tiền 1.600.000.000đồng còn lại theo Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD00000696818, ngày 25/7/2016, mã khách hàng là 6700-170205069, số tài khoản là 6700601551967, do bà L đứng tên tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh An Giang theo Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2016/QĐ-BPKCTT, ngày 26/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Mỹ L buộc ông H và bà H trả số tiền 350.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn ông H và bà H khởi kiện yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả số tiền 3.000.000.000đồng mà ông, bà đã cho mượn theo biên nhận ngày 07/6/2016 và 1.600.000.000đồng, cộng lãi suất theo biên nhận ngày 21/8/2014. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa ông H và bà H với bà L là quan hệ hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn bà L có nơi cư trú tại 57, đường Kim Đồng, khóm 3, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Ông H ủy quyền cho bà Nguyễn Minh L; bà L ủy quyền cho ông Phan Hòa N. Việc ủy quyền phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, bà L tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền của ông H; ông N tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền của bà L theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Bà H không tham dự phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu vắng mặt. Ông H, bà L vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền. Căn cứ vào khoản 1 và 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông H và bà L.

[3.3] Người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N. Đồng thời đình chỉ yêu cầu phản tố của bà L theo đơn yêu cầu phản tố ngày 27/6/2016 theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà L được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố này theo quy định pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Nguyên đơn ông H và bà H yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả số tiền 4.600.000.000đồng. Chứng cứ để ông H và bà H yêu cầu bà L trả số tiền trên là bản chính biên nhận ngày 21/8/2014 và biên nhận ngày 07/6/2016.

Đối với biên nhận ngày 21/8/2014 thể hiện nội dung “Tôi tên Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1984, hiện cư ngụ 57, đường Kim Đồng, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang có nhận của ông Phạm Lục H, sinh năm 1958 số tiền 1.600.0000.000đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng), bà L ký ghi rõ họ tên” và phía sau biên nhận thể hiện “ngày 08/6/2015 đóng lãi tổng cộng 5 tháng kèm theo chữ ký của bà L”. Quá trình giải quyết vụ án tại các văn bản gồm: bản tự khai ngày 27/6/2016 (bút lục số 49-50), đơn phản tố ngày 27/6/2016 (bút lục số 51-52), bản tự khai ngày 31/03/2017 (bút lục số 63), biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/7/2016 (bút lục 109-110), biên bản hòa giải ngày 08/7/2016 (bút lục số 111-112), biên bản đối chất ngày 25/8/2016 (bút lục số 113-114), biên bản hòa giải ngày 25/8/2016 (bút lục số 119-122) và biên bản đối chất ngày 20/9/2016 (bút lục 123-125) bà L có những lời khai không thống nhất. Có văn bản bà L thừa nhận có mượn của ông H số tiền 1.600.000.000đồng, có văn bản bà L cho rằng đây là tiền bà cho ông H mượn và bà ký biên nhận này thể hiện việc bà có nhận lại số tiền 1.600.000.000đồng mà ông H trả cho bà, bà cũng không có đóng lãi mà là ông H đóng lãi bà chỉ ký theo yêu cầu của ông H. Tuy nhiên, ông H và bà H không thừa nhận lời trình bày của bà L về việc ông H nợ bà L 1.600.000.000đồng, bà L không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Bà L thừa nhận biên nhận ngày 21/8/2014 là do bà ký nên Hội đồng xét xử xác định biên nhận ngày 21/8/2014 là chứng cứ có thật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H và bà H buộc bà L có nghĩa vụ trả số tiền 1.600.000.000đồng theo biên nhận ngày 21/8/2014 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu tính lãi của ông H và bà H từ ngày 26/7/2016 đến ngày Tòa án xét xử với mức 4,5%/năm (tương ứng 0,375%/tháng), phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 nên được chấp nhận. Từ ngày 26/7/2016 đến ngày 22/01/2020 là 03 năm, 05 tháng, 28 ngày x 4,5%/năm (tương ứng 0,375%/tháng) = 251.600.000đồng. Tổng số tiền vốn và lãi bà L phải trả cho ông H và bà H theo biên nhận ngày 21/8/2014 là 1.851.600.000đồng.

Đối với biên nhận ngày 07/6/2016 thể hiện nội dung “Tôi tên Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 10/07/1984; địa chỉ 57, đường Kim Đồng, phường Mỹ Long có mượn của anh Huy Nhung, ba tỷ đồng, mua miếng đất 366, Phạm Cự Lượng của anh còn thiếu lại, có chữ ký và ghi họ tên của bà Huỳnh Thị Mỹ L”. Số tiền 3.000.000.000đồng theo biên nhận ngày 07/6/2016 bà L không thừa nhận có mượn ông H. Bà L xác định ký biên nhận này là do ông H khóc lóc, kể khổ do kinh doanh thua lỗ, số tiền 4.950.000.000đồng bà chuyển trả tiền mua đất cho ông H vào ngày 18/8/2014 ông H đã rút sử dụng hiện không còn. Vợ ông H ghen cho rằng ông lấy tiền cho người phụ nữ khác. Ông H năn nỉ bà xác nhận có

nợ số tiền 3.000.000.000đồng từ việc mua bán đất tại số 366, đường Phạm Cự Lượng để ông đưa cho vợ làm tin. Tuy nhiên, ông H và bà H cũng không thừa nhận lời trình bày của bà L, bà L không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình về việc chỉ viết dùm biên nhận cho ông H nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Bà L thừa nhận biên nhận ngày 07/6/2016 là do bà ký nên Hội đồng xét xử xác định biên nhận ngày 07/06/2016 là chứng cứ có thật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H và bà H buộc bà L có nghĩa vụ trả số tiền 3.000.000.000đồng (ba tỷ đồng) theo biên nhận ngày 07/6/2016 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng số tiền bà L có nghĩa vụ trả cho ông H và bà H là 4.851.600.000đồng.

[4.2] Đối với số tiền 4.600.000.000đồng, theo Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD00000696818, ngày 25/7/2016, mã khách hàng là 6700-170205069, số tài khoản là 6700601551967, do bà L đứng tên tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh An Giang theo Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2016/QĐ-BPKCTT, ngày 26/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà L đã rút ra số tiền 3.000.000.000đồng theo quyết định hủy bỏ một phần biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 13/9/2017 của Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Số tiền còn lại trong tài khoản số 6700601551967 là 1.600.000.000đồng. Ông H yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với số tiền này để bảo đảm tài sản thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông H và bà H số tiền 4.851.600.000đồng. Do đó, yêu cầu này là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Đối với số tiền bảo đảm 400.000.000đồng trong tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố Long Xuyên theo chứng từ giao dịch lập ngày 20/6/2016, số tài khoản là 6701601219460 theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2016/QĐ-BPBD, ngày 20/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên mà ông H đã nộp. Ông H đã nhận lại 400.000.000đồng theo Quyết định hủy bỏ một phần biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 13/9/2017 của Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đối với số tiền này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu khởi kiện của ông H và bà H được chấp nhận nên ông, bà được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ bà phải thực hiện với ông H và bà H.

Yêu cầu phản tố của bà L bị đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự nên tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp được sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, điểm a khoản 1 Điều 92, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 218, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 2 và 3 Điều 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;

Khoản 2 và khoản 5 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Lục H và bà Nguyễn Thị Bé H đối với bà Huỳnh Thị Mỹ L:

Bà Huỳnh Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Lục H và bà Nguyễn Thị Bé H số tiền 4.851.600.000đồng (bốn tỷ, tám trăm năm mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng), trong đó: 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu) tiền gốc và 251.600.000đồng (hai trăm năm mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi theo biên nhận ngày 21/8/2014; 3.000.000.000đồng (ba tỷ đồng) tiền gốc theo biên nhận ngày 07/6/2016.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

2/ Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Mỹ L: buộc ông Phạm Lục H và bà Nguyễn Thị Bé H trả số tiền 350.000.000đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng). Bà Huỳnh Thị Mỹ L được yêu cầu khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

3/ Tiếp tục duy trì số tiền 1.600.000.000đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng) còn lại trong số tài khoản là 6700601551967, do bà Huỳnh Thị Mỹ L đứng tên tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh An Giang theo Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD00000696818, ngày 25/7/2016, mã khách hàng là 6700-170205069, theo Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2016/QĐ-BPKCTT, ngày 26/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang để bảo đảm cho việc thi hành án.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Lục H và bà Nguyễn Thị Bé H được nhận lại 56.300.000đồng (năm mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009812, ngày 10/6/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà Huỳnh Thị Mỹ L phải nộp 112.852.000đồng (một trăm mười hai triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Sung vào công quỹ nhà nước 8.750.000đồng (tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Thị Mỹ L đã nộp theo biên lai thu số 0009922, ngày 08/7/2016, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

5/ Về quyền kháng cáo: ông Phạm Lục H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị Bé H, bà Huỳnh Thị Mỹ L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bản được niêm yết theo quy định pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hiệp Phong